

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2021
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi
con giữa chị L với anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kha Thị Bích L, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Mỹ Bình, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Mỹ Bình, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Kha Thị Bích L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh H tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ năm 2002, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Anh H thường xuyên kiểm chuyện chửi bới, đánh đập chị rất nhiều lần. Chị cố gắng nhịn nhục sống vì các con, nhưng anh H vẫn không thay

đổi. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Thị Thanh Trúc, sinh năm 2003; Bùi Thị Trúc Em, sinh năm 2007 và Bùi Thanh Huy, sinh năm 2015, hiện 03 cháu đang ở nhà với anh H, nhưng chị là người nuôi, do chị không ở nhà chung nữa mà chị về nhà mẹ ruột sinh sống, nhà mẹ ruột cấp vách nhà của vợ chồng chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh anh Bùi Văn H trình bày:

1. Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị L về quá trình tiến tới hôn nhân. Anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn con cái có cha thiếu mẹ, có mẹ thiếu cha. Anh muốn vợ chồng hàn gắn, cùng nuôi dưỡng con cái khôn lớn. Anh thừa nhận vào lúc 19 giờ ngày 08/10/2020 âm lịch anh có ghen, có uống rượu, có đánh vợ, hành hung vợ trong lễ cưới do vợ ca hát nhảy múa, có người cẩu cổ vợ. Anh đã biết sai, anh hứa sửa lỗi và không sai phạm nữa. Yêu cầu đoàn tụ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Thị Thanh Trúc, sinh năm 2003; Bùi Thị Trúc Em, sinh năm 2007 và Bùi Thanh Huy, sinh năm 2015, hiện 03 cháu đang ở nhà với anh, nhưng vợ là người nuôi, do hai nhà liền vách nhau, các cháu qua lại 02 nhà.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện anh H có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng đã ly thân hơn 06 tháng, cho thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

- Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Bùi Thị Thanh Trúc, sinh năm 2003; Bùi Thị Trúc Em, sinh năm 2007 và Bùi Thanh Huy, sinh năm 2015. Đề nghị giao 03 con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân tên chị L; bản sao giấy khai sinh của Trúc, Em, Huy; Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Đơn thỉnh cầu của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thu thập chứng cứ: Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L với anh H thể hiện việc mâu thuẫn giữa chị L với anh H địa phương không rõ, do chị L với anh H không thông báo hay nhờ Ban áp hòa giải.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L với anh H đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 358, ngày 24/5/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh ghen tuông, hành hung chị L, vợ chồng đã sống ly thân đã lâu. Nay tình cảm không còn chị L yêu cầu ly hôn. Anh H không đồng ý vì cho rằng còn thương vợ thương con muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con.

Xét quan hệ hôn nhân của chị L với anh H, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị L với anh H đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống anh chị có hành vi bạo lực gia đình, điều này đã được anh H thừa nhận tại đơn thỉnh cầu. Qua đó, đã chứng minh được các đương sự đã có mâu thuẫn nhau trong cuộc sống. Mỗi quan hệ vợ chồng là mối quan hệ dài lâu và bền vững, vợ chồng pH thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con, nhưng

anh chị không làm vậy, anh chị ly thân không còn sống chung với nhau. Thời gian ly thân là thời gian để anh vợ suy ngẫm lại mối quan hệ, suy ngẫm lại tình cảm của mình mà hàn gắn lại tình cảm, nhưng anh không hàn gắn được. Ngược lại anh H còn có hành vi bạo lực gia đình. Anh H đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L đối với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H có 03 con chung tên Bùi Thị Thanh Trúc, sinh năm 2003; Bùi Thị Trúc Em, sinh năm 2007 và Bùi Thanh Huy, sinh năm 2015. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu và các cháu có nguyện vọng được sống chung với chị L. Xét yêu cầu của chị L và nguyện vọng của các cháu, để tạo điều kiện cho các cháu phát triển toàn diện về mọi mặt, ổn định tinh thần, sinh sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị L pH chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kha Thị Bích L đối với anh Bùi Văn H.

1. Về hôn nhân: Chị Kha Thị Bích L được ly hôn với anh Bùi Văn H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 358, ngày 24/5/2005 của chị Kha Thị Bích L và anh Bùi Văn H được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Kha Thị Bích L và anh Bùi Văn H có 03 con chung tên Bùi Thị Thanh Trúc, sinh năm 2003; Bùi Thị Trúc Em, sinh năm 2007 và Bùi Thanh Huy, sinh năm 2015. Hiện các cháu đang sống chung với chị L. Giao các cháu cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Kha Thị Bích L pH chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0008604 ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Thạnh Trung;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Khắc Chung Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn Cái Dầu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA